

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-PT

Ngày 04/01/2024

V/v “Tranh chấp thừa kế tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo.

Bà Trần Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2023/DSST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 177/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 234/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 247/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N. Sinh năm 1950. Trú Tại: K142/38 đường L, phường M, quận S, thành phố Đ. Có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Bà Nguyễn Thị N1. Sinh năm 1970; Trú tại: Số 33 đường N, phường T, quận S, thành phố Đ. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H. Sinh năm: 1974; Trú tại: số 126 đường P, phường P, quận S, thành phố Đ. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị M. Sinh năm: 1976; Trú tại: Tổ 97, phường T, quận S, thành phố Đ. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H1. Sinh năm: 1978; Trú tại: Khu chung cư B2, tổ 101, phường N, quận S, thành phố Đ. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn V. Sinh năm 1985. Trú tại: K142/38 đường L, phường M, quận S, thành phố Đ. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn H; ông Nguyễn Văn V; bà Nguyễn Thị N1; bà Nguyễn Thị M là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn là bà Phạm Thị N trình bày:* Bà và ông Nguyễn Văn Ba có 05 người con chung là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị N1. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng tạo dựng được khối tài sản chung là: Nhà và đất tại địa chỉ: K142/38 đường L, phường M, quận S, thành phố Đ. Năm 2021, ông Nguyễn Văn Ba qua đời không để lại di chúc. Nhà và đất trên hiện nay bà đang quản lý sử dụng, bà sống một mình tại đây. Sau khi ông Ba qua đời, bà không được các con ruột quan tâm chăm sóc, xúc phạm, có hành vi bạo hành về tinh thần và thể chất, trạng thái tinh thần tôi ngày càng sa sút nên bà yêu cầu chia di sản thừa kế ông Ba để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất tại địa chỉ: K142/38 đường L, phường M, quận S, thành phố Đ trị giá đất của bà và ông Ba là: 7.187.676.000 đồng và nhà là 71.674.000 đồng. Tổng cộng: 7.259.350.000 đồng. Đối với $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế của ông Ba để lại bà có nguyện vọng nhận tiền bồi dưỡng theo giá của kết quả thẩm định giá. Đối với $\frac{1}{2}$ nhà và đất còn lại thì bà có nguyện vọng nhận phần nhà và đất phía đang để bàn thờ của chồng bà. Đối với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị số tiết kiệm 100.000.000 đồng thì hiện nay bà đã nhận lại đầy đủ số tiền trên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn trình bày:*

+ *Ông Nguyễn Văn V trình bày:* Ba ông là ông Nguyễn Văn Ba và mẹ ông là bà Phạm Thị N kết hôn với nhau sinh được 05 người con là: Bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn V. Ba mẹ ông khi còn sống tạo dựng được khối tài sản là nhà và đất tại địa chỉ: K142/38 đường L, phường M, quận S, thành phố Đ. Đến ngày 03/02/2021, ba ông bị bệnh chết. Hiện nay, mẹ ông yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế ba ông để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất thì ông đồng ý. Ông đồng ý kết quả thẩm định giá đối với tài sản trên. Ông và bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị M sẽ nhận lại phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ba để lại và bồi dưỡng cho bà Nguyễn Thị H1 và bà Phạm Thị N số tiền được hưởng theo giá của kết quả thẩm định giá. Khi nhận phần di sản thừa kế của ba ông để lại thì cho ông và bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị M nhận phần đất đang để bàn thờ của ba ông để thuận tiện cho việc thờ cúng. Ngoài ra, theo ông năm 2001, anh ông là

ông Nguyễn Văn H bỏ ra 12 cây vàng để xây dựng lại nhà 3 gian cấp 4. Đến năm 2012 thì ông bỏ ra 84.000.000 đồng để tu sửa căn nhà trên.

+ Bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Bà N1 thống nhất với các đồng thừa kế về hàng thừa kế, thời điểm chết và di sản thừa kế của ba bà là ông Nguyễn Văn Ba. Hiện nay, mẹ bà yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế ba bà để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất thì bà không đồng ý vì bà muốn để lại căn nhà thờ tự. Nếu mẹ bà cương quyết muốn chia thì 4 chị em bà gồm bà N1, ông H, bà M, ông V có nguyện vọng ở và thối tiền nhà và đất cho mẹ bà. Mẹ bà sẽ sang tên lại cho 5 chị em. Ngoài ra, theo bà năm 2001, em bà là ông Nguyễn Văn H bỏ ra một cây hai vàng để xây dựng lại nhà 3 gian cấp 4. Đến năm 2012 thì ông Nguyễn Văn V bỏ ra 84.000.000 đồng để tu sửa căn nhà trên.

+ Bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà cũng thống nhất với các đồng thừa kế về hàng thừa kế, thời điểm chết và di sản thừa kế của ba bà là ông Nguyễn Văn Ba. Hiện nay, mẹ bà yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế ba bà để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất thì bà không đồng ý vì bà muốn ở căn nhà thờ tự. Nếu mẹ bà cương quyết muốn chia thì 4 chị em bà gồm bà N1, ông H, bà M, ông V có nguyện vọng ở và thối tiền nhà và đất cho mẹ bà. Ngoài ra, theo bà năm 2001, thì anh bà là ông Nguyễn Văn H bỏ ra một cây hai vàng để xây dựng nhà ba gian cấp 4. Đến năm 2012 thì em bà là ông Nguyễn Văn V bỏ ra 84.000.000 đồng để tu sửa căn nhà trên.

+ Bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà N1 thống nhất với các đồng thừa kế về hàng thừa kế, thời điểm chết và di sản thừa kế của ba bà là ông Nguyễn Văn Ba. Hiện nay, mẹ bà yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế ba bà để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất thì bà đồng ý. Bà cũng thống nhất kết quả thẩm định giá tài sản. Đối với phần đất mà bà đã xây nhà lấn qua phần đất của cha mẹ bà thì bà tự nguyện tháo dỡ nhà và trả lại đất. Đối với phần di sản thừa kế mà cha bà để lại thì bà có nguyện vọng nhận tiền thối trả theo giá của kết quả thẩm định giá.

+ Ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông thống nhất với các đồng thừa kế về hàng thừa kế, thời điểm chết và di sản thừa kế của ba bà là ông Nguyễn Văn Ba. Hiện nay, mẹ ông yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế ba bà để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất thì ông không đồng ý vì ông muốn để lại căn nhà thờ tự ba ông. Nếu mẹ ông cương quyết muốn chia thì 4 chị em ông gồm bà N1, ông H, bà M, ông V có nguyện vọng ở và thối tiền nhà và đất cho mẹ ông. Mẹ ông sẽ sang tên lại cho 5 chị em ông. Ngoài ra, theo ông năm 2001, ông bỏ ra mười hai cây vàng để xây dựng lại nhà 3 gian cấp 4. Đến năm 2012 thì em ông là ông Nguyễn Văn V bỏ ra 84.000.000 đồng để tu sửa căn nhà trên.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DSST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định: Căn cứ khoản 5 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự. Căn cứ Án lệ số: 06/2016/AL ngày 06/4/2016. Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản để lại của ông Nguyễn Văn Ba (chồng).

1. Xác định di sản của ông Nguyễn Văn Ba để lại là $\frac{1}{2}$ nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: K142/38 đường L, phường M, quận S, thành phố Đ trị giá 3.629.675.000 đồng (*ba tỷ sáu trăm hai chín triệu sáu trăm bảy lăm ngàn đồng*).

2. Người thừa kế theo pháp luật đối với di sản nói trên của ông Nguyễn Văn Ba gồm bà Phạm Thị N (vợ) và các con: bà Nguyễn Thị N1 (sinh năm 1970); ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1974); bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1976); bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1978) và ông Nguyễn Văn V (sinh năm 1985). Trị giá kỹ phần thừa kế mỗi người thừa kế nói trên được hưởng có giá trị 604.946.000 đồng (*sáu trăm lẻ tư triệu chín trăm bốn sáu ngàn đồng*) tương ứng với 14,8 m² đất.

II/ Việc phân chia di sản của ông Nguyễn Văn Ba và nghĩa vụ bồi trả kỹ phần thừa kế do có chênh lệch về tài sản được giao của những người trong diện thừa kế, cụ thể như sau:

1. Giao bà Phạm Thị N được quyền sử dụng phần đất có diện tích 89,6m² (trong đó có 76,45 m² đất ở đã được công nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 13,15m² đất khuôn viên và diện tích xây dựng trên đất: 53,3m²) tại thửa đất số 2 tờ bản đồ số 26 tại địa chỉ K142/38 đường L, phường M, quận S, thành phố Đ.

Phần đất và tài sản gắn liền với đất giao bà Phạm Thị N trị giá: 3.634.479.000 đồng (*ba tỷ sáu trăm ba tư triệu bốn trăm bảy chín ngàn đồng*) được ký hiệu A tại sơ đồ thửa đất kèm theo bản án với ranh giới tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường kiệt bê tông (mặt tiền Lê Văn Thử) dài 3,62m; Phía Tây giáp phần nhà và đất của bà H1 dài 3,65m; Phía Bắc giáp lô đất trống dài 24,43m (gồm 3 đoạn: 6.71m-14.45m-3.22m); Phía Nam giáp phần nhà đất giao bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn V sử dụng.

2. Giao bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn V được quyền sử dụng phần đất có diện tích 88,1m² (trong đó có 76,45m² đất ở đã được công nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 11,65m² đất khuôn viên và diện tích xây dựng trên đất: 44,3m²) tại địa chỉ K142/38 đường L, phường M, quận S, thành phố Đ.

Phần nhà, đất giao bà N1, bà M, ông H, ông V nói trên trị giá: 3.624.871.000 đồng (*ba tỷ sáu trăm hai bốn triệu tám trăm bảy một ngàn đồng*) được ký hiệu là B tại sơ đồ thửa đất kèm theo bản án với ranh giới tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường kiệt bê tông (mặt tiền Lê Văn Thử) dài 3,63m; Phía Tây giáp phần nhà và đất của bà H1 dài 3,65m; Phía Nam giáp nhà dân dài 24,17m; Phía Bắc giáp phần nhà đất giao bà Phạm Thị N sử dụng.

3. Bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ bồi trả trị giá kỹ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị H1 được chia là

604.946.000 đồng (*sáu trăm lẻ tư triệu chín trăm bốn sáu ngàn đồng*). Trong đó bà N1, bà M, ông H, ông V mỗi người phải trả cho bà H1 số tiền 151.236.458 đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H1 tháo dỡ phần xây dựng có diện tích 16,1m² trên đất giao cho những người trong diện thừa kế nói trên.

4. Bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ bồi trả kỷ trị giá phần thừa kế được hưởng cho bà Phạm Thị N: 604.946.000 đồng (*sáu trăm lẻ tư triệu chín trăm bốn sáu ngàn đồng*). Trong đó bà N1, bà M, ông H, ông V mỗi người phải trả cho bà N số tiền 151.236.458 đồng.

5. Bà Phạm Thị N, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn V có quyền và nghĩa vụ thực hiện các thủ tục kê khai, tách thửa, đăng ký biến động đối với phần diện tích đất được giao nói trên tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

III/ Chi phí tố tụng:

1. Lệ phí định giá tài sản bà N tự nguyện chịu (đã nộp và đã chi).
2. Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà N có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ nên tự nguyện chịu.

IV/ Về án phí sơ thẩm :

1. Bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn V mỗi người phải chịu: 28.197.840 đồng (*Hai mươi tám triệu một trăm chín bảy nghìn tám trăm bốn mươi đồng*) án phí DSST.

2. Xét miễn cho bà Phạm Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp với số tiền: 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) theo biên lai thu số: 0006407 ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Chi Cục Thi Hành án Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cho bà Phạm Thị N.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/8/2023, ông Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại phần giá trị tài sản được thừa kế của ông trong lô đất chung trên vì ngoài phần thừa kế đã nêu trong bản án thì ông có phần đóng góp số tiền 84.000.000 đồng tại thời điểm tháng 07/2017 để sửa chữa nhà. Vợ chồng ông đã ra riêng từ năm 2010 đến nay. Số tiền trên là tài sản chung của vợ chồng ông, không phải là tài sản đóng góp của cá nhân ông.

- Ngày 23/8/2023, ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại phần giá trị tài sản được thừa kế của ông trong lô đất chung trên vì ngoài phần thừa kế đã nêu trong bản án thì ông có phần đóng góp 12 cây vàng vào năm 2001 để xây mới lại ngôi nhà, không phải 1 cây hai vàng như cấp sơ thẩm đã nêu. Việc ông sử dụng số vàng trên là tiền cá nhân của ông tích góp được để xây lại nhà cho ba mẹ ông theo thỏa thuận mượn tiền giữa ông và ba ông, có em gái ông biết và chứng kiến. Hiện nay ông không có tiền bồi trả cho mẹ ông và bà H1 nên đề nghị mọi người liên quan trong bản án bồi trả lại.

- Ngày 23/8/2023, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M cùng có đơn kháng cáo đề nghị xem xét hiện nay các bà không có tiền thối trả cho bà N và bà H1 nên đề nghị mọi người liên quan trong bản án thối trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Xét kháng cáo của** ông Nguyễn Văn V thì thấy: Tại bản tự khai ngày 16/11/2022, do ông Nguyễn Văn V tự khai là vào năm 2012, ông bỏ ra số tiền 84.000.000 đồng để tu sửa căn nhà trên. Đến giai đoạn phúc thẩm, ông kháng cáo cho rằng tại thời điểm ông bỏ tiền ra là tháng 07/2017. Đây là tiền chung của vợ chồng ông. HĐXX xét thấy: Căn cứ vào bản tự khai ngày 16/11/2022 do ông Nguyễn Văn V viết ra thể hiện ông bỏ số tiền 84.000.000 đồng vào năm 2012, trong khi đó các bản tự khai của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị N1 đều xác định năm 2012 nhưng tại giấy nhận làm mái che hàng rào và bờ rào do ông cung cấp là ngày 12/7/2017 là không phù hợp và cũng không có cơ sở để xác định đây là số tiền chung của vợ chồng ông.

[2] **Xét kháng cáo của** ông Nguyễn Văn H thì thấy: Tại bản tự khai ngày 14/12/2022, do ông Nguyễn Văn H tự khai là vào năm 2001, ông H bỏ ra 12 cây vàng để xây mới lại ngôi nhà, không phải 1 cây hai vàng như cấp sơ thẩm đã nêu. Việc ông sử dụng số vàng trên là tiền cá nhân của ông tích góp được để xây lại nhà cho ba mẹ ông theo thỏa thuận mượn tiền giữa ông và ba ông, có em gái ông biết và chứng kiến. HĐXX xét thấy: Mặc dù các em ông là bà M, bà N1, ông V đều thừa nhận việc ông H bỏ tài sản ra nhưng theo bà N1, bà M là một cây hai vàng còn ông H, ông V cho rằng 12 cây vàng là có sự mâu thuẫn. Mặt khác, ông H sinh năm 1974 đến năm 2001 ông mới 27 tuổi. Tại thời điểm đó, ông bỏ ra số vàng 12 cây theo ông là tài sản riêng, trong khi đó ông làm nghề lao động tự do, không ai tặng cho, thừa kế thì số vàng ông khai nãi là khó có thật và cũng không phù hợp với chứng cứ ông cung cấp tại giấy thỏa thuận nhận khoán sửa nhà ngày 25/6/2017.

[3] **Xét kháng cáo của** bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M thì thấy: Tại bản tự khai của bà M, bà N1 cùng ngày 16/11/2022, các bà đều có nguyện vọng ở và thối tiền nhà và đất cho mẹ các bà cũng như ông H, ông V đều muốn ở và thối tiền lại nên cấp sơ thẩm giao ½ nhà và đất cho ông H, ông Vinh, bà N1, bà M và buộc 4 ông bà thối trả tiền chênh lệch cho bà N và bà H1. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc các ông bà trên đã thay đổi và kháng cáo. Bà N đồng ý nhận toàn bộ nhà và đất đồng thời nhận nghĩa vụ thối trả tiền chênh lệch chia tài sản cho các đồng thừa kế nên việc thay đổi này không phải do lỗi chủ quan của Thẩm phán. Do vậy, HĐXX phúc thẩm xác định lại như sau:

[3.1] Thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Văn Ba: Ông Ba chết năm 2021.

[3.2] Khối tài sản chung: Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 26, diện tích thực tế đo đạc 177,7m² tại địa chỉ K142/38 đường L, phường M, quận S, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 39494 (diện tích đất 152,90m²) do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/7/2021 là tài sản chung của bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn Ba.

[3.3] Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 10/TĐG-CT ngày 01/2/2023 Công ty Thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Đà Nẵng đã xác định:

- Quyền sử dụng đất của vợ chồng bà N và ông Ba với diện tích 152,90 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có giá trị 7.187.676.000 đồng.

- Phần nhà xây dựng trên đất có diện tích 94m² có giá trị: 71.674.000 đồng.

[3.4] Tổng giá trị nhà đất là tài sản chung vợ chồng bà N và ông Ba là: 7.259.350.000 đồng : 2 = 3.629.675.000 đồng/người.

[3.5] Xác định hàng thừa kế: Bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H1: 3.629.675.000 đồng : 6 = 604.945.833 đồng/người.

[3.6] Diện tích thửa đất trên theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp cho bà N, ông Ba được Nhà nước công nhận là 152,9 m².

[3.7] Tuy nhiên kết quả đo đạc thực tế của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đà Nẵng thì thửa đất số 2, tờ bản đồ số 26 theo hiện trạng có diện tích 177,7m². Bà N đã xây dựng tường rào bao quanh, ở ổn định, không có tranh chấp. Do đó, khi phân chia di sản cho những người trong diện thừa kế bằng hiện vật phải căn cứ vào hiện trạng thực tế diện tích thửa đất, phần diện tích đất tăng thêm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời phân chia nhưng không tính giá trị. Tuy nhiên, bà Phạm Thị N được giao toàn bộ diện tích đất trên thì phải có trách nhiệm đăng ký biến động đất đai và thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.

[3.8] Trên phần diện tích đất, bà Nguyễn Thị H1 có xây dựng khối nhà 2, diện tích 26,88m² nên bà H1 tự nguyện tháo dỡ phần xây dựng trên đất giao cho bà Phạm Thị N. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H1 đối với bà Phạm Thị N nên ghi nhận sự tự nguyện này.

[4] Từ những nhận định trên, HĐXX có cơ sở chấp nhận 1 phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M về nghĩa vụ thối tiền. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H về thanh toán công sức đóng góp. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2023/DSST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[5] Đối với số tiền 100.000.000 đồng tiết kiệm, bà Phạm Thị N không có yêu cầu chia, các đồng thừa kế thống nhất đây là tiền tiết kiệm của bà Nữa, không có tranh chấp nên không đề cập đến.

[6] Về án phí DSST: Các đồng thừa kế phải chịu án phí tương ứng với kỷ phần mình được hưởng theo quy định của pháp luật. Riêng bà Nthước trường hợp người cao tuổi nên theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét bà Nthước miễn toàn bộ án phí.

[7] Về **Chi phí tố tụng**:

[7.1] Lệ phí định giá tài sản bà Phạm Thị N tự nguyện chịu (đã nộp và đã chi).

[7.2] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Phạm Thị N tự nguyện chịu nên không xét đến.

[8] Do chấp nhận một phần kháng cáo nên ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí DSPT.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Sửa Bản án dân sự sơ thẩm với nội dung chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M về việc nhận tiền theo kỷ phần tương ứng được hưởng, không nhận hiện vật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H về thanh toán công sức đóng góp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M về nghĩa vụ thôi tiền.

2. Không Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H về thanh toán công sức đóng góp.

3. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2023/DSST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N đối với ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H1 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

4.1. Giao cho bà Phạm Thị N được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ ngôi nhà có khối nhà 1, diện tích xây dựng 94,06m² và khối nhà 2 (nhà bà Hòa) diện tích xây dựng 26,88m², tọa lạc trên diện tích đất thực tế 177,7m² thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 26 tại địa chỉ K142/38 đường L, phường M, quận S, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền

sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 39494 (diện tích đất theo sổ 152,90m²) do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/7/2021 đứng tên bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn Ba. (Có sơ đồ cụ thể kèm theo).

4.2. Buộc bà Phạm Thị N phải có nghĩa vụ thối trả tiền chênh lệch tài sản cho các đồng thừa kế gồm: Thối trả cho bà ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H1, mỗi người 604.945.833 đồng/người.

4.3. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H1 về việc tự tháo dỡ phần xây dựng có diện tích 26,88m² trên đất giao cho bà Phạm Thị N.

4.4. Bà Phạm Thị N có quyền và nghĩa vụ thực hiện các thủ tục kê khai, tách thửa, đăng ký biến động đối với phần diện tích đất được giao nói trên tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4.5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí DSST: Bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn V mỗi người phải chịu: 28.197.840 đồng (*Hai mươi tám triệu một trăm chín bảy nghìn tám trăm bốn mươi đồng*). Bà Phạm Thị N thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn nên xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) theo biên lai thu số: 0006407 ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

6. Về **Chi phí tố tụng**:

6.1 Lệ phí định giá tài sản: Bà Phạm Thị N tự nguyện chịu (đã nộp và đã chi xong).

6.2 Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Phạm Thị N tự nguyện chịu.

7. Án phí DSPT: Ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M không phải chịu tiền án phí DSPT. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị M mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp lần lượt theo biên lai thu số 0006703, 0004000, 0006701, 0006702 cùng ngày 25/8/2023 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân quận Sơn Trà;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé